

Số: **09** /2013/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **10** tháng **6** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành một số nội dung cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007, Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04/5/2009, Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân tái định cư thủy điện Sơn La; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 50/TTr-STC ngày 08 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung cụ thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Thay thế các Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định cụ thể một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư dự án thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Huội Quang, Bản Chát trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 06/9/2010 của UBND tỉnh quy định cụ thể nội dung Mục d, Khoản 7, Điều 1 Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ và sửa đổi một số điều đã được quy định tại Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của UBND tỉnh Lai Châu.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên & Môi trường, Nông nghiệp & PTNT; Trưởng Ban QLDA bồi thường, di dân tái định cư tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lai Châu; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp: Cục Kiểm tra văn bản;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo, CV;
- Đài PT&TH; Công báo tỉnh; Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chử

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện
Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2013/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này áp dụng cho việc Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất phải di chuyển đến nơi ở mới;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi một phần đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư sở tại bị thu hồi đất sản xuất, đất ở và thiệt hại về tài sản trên đất khi thực hiện tái định cư.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Nguyên tắc bồi thường về đất (cụ thể Khoản 2, khoản 3 Điều 6 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg).

1. Quy định cụ thể Khoản 2

- Người sử dụng đất mới khai hoang phục hóa chưa đăng ký với nhà nước trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nay được UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất xác nhận là đất đó không có tranh chấp thì không được bồi thường thiệt hại về đất, nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư khai hoang phục hóa đất, mức hỗ trợ bằng 100% giá đất có cùng mục đích sử dụng tại thời điểm thu hồi và chỉ tính cho diện tích thực tế có canh tác bị thu hồi;

- Người sử dụng đất mới khai hoang phục hóa (sau ngày 15/10/1993) vào mục đích phi nông nghiệp và chưa đăng ký với nhà nước, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận không tranh chấp, khi bị nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường thiệt hại về đất nhưng được hỗ trợ bằng 100% giá đất có

cùng mục đích sử dụng tại thời điểm thu hồi đất và phải truy thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Diện tích đất hỗ trợ tối đa bằng hạn mức đất do UBND tỉnh quy định.

2. Quy định cụ thể Khoản 3

Người sử dụng đất khai hoang bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền giao cho hộ gia đình hoặc cá nhân sử dụng lâu dài thì không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ phần chi phí khai hoang bằng 80% giá đất cùng mục đích sử dụng tại thời điểm thu hồi nhưng phải đảm bảo điều kiện diện tích và mục đích sử dụng đất được theo dõi và quản lý tại sổ địa chính của xã.

Điều 3. Diện tích, giá đất tính bồi thường (cụ thể Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg).

1. Quy định cụ thể Điểm b Khoản 1 Diện tích đất tính bồi thường.

Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng thì được đo vẽ tính diện tích theo hiện trạng quản lý và sử dụng (được UBND xã, phường, thị trấn nơi đó xác nhận là không có tranh chấp) diện tích đất được bồi thường cụ thể như sau:

- Đất ở đô thị:

+ Tối đa không quá 105 m² cho những khu vực nội thị, ven quốc lộ, ngã ba và ngã tư đường giao thông có khả năng sinh lợi.

+ Tối đa không quá 120 m² cho các khu vực còn lại.

+ Riêng đất ở của các hộ gia đình thuộc các bản, xã, phường, thị trấn nằm trong địa giới hành chính thị xã, nhưng xa khu trung tâm đô thị và trục đường giao thông chính mức tối đa không quá 200 m².

- Đất ở nông thôn: Mỗi hộ gia đình ở nông thôn được bồi thường không quá 400 m². Đối với những hộ có diện tích đất thực tế đang sử dụng lớn hơn 400 m² thì bồi thường theo diện tích thực tế nhưng tối đa không quá 800 m².

- Đất nông nghiệp: Nếu được UBND xã, phường xác nhận đã sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp thì được bồi thường cho toàn bộ diện tích đang sử dụng.

2. Quy định cụ thể Khoản 2 giá đất tính bồi thường

Giá đất tính bồi thường là giá đất theo mục đích sử dụng đã được UBND tỉnh quy định và có hiệu lực thi hành tại thời điểm bồi thường. Không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng đất sau khi thu hồi, không bồi thường theo giá đất do thực tế sử dụng đất không phù hợp với mục đích theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc kèm theo nhà ở đối với các hộ tái định cư (cụ thể Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 11 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg).

1. Quy định Khoản 1

Hộ tái định cư được bồi thường về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở bằng tiền để xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi ở mới (kể cả các hộ tái định cư có nguyện vọng tháo dỡ nhà ở tại nơi ở cũ đến điểm tái định cư để xây dựng lại).

Mức bồi thường về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo, được tính theo diện tích xây dựng (m²) hoặc khối lượng thực tế hiện có nhân với đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

2. Quy định Khoản 2

Hộ sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư, phải di chuyển chỗ ở cũng được bồi thường như những hộ tái định cư tập trung.

Đối với nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được của các hộ sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư nhưng không phải di chuyển chỗ ở thì được tính bồi thường cho toàn bộ nhà ở, công trình. Trường hợp phần còn lại vẫn còn tồn tại và sử dụng được thì chỉ được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ (tính theo đơn giá do UBND tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường).

3. Quy định Khoản 5 (được quy định bổ sung tại Mục d Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010)

- Nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc, kèm theo nhà ở, xây dựng trên đất không được bồi thường theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg mà trước thời điểm xây dựng đã có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thì không được bồi thường;

- Trường hợp tại thời điểm xây dựng mà chưa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch tổng thể di dân tái định cư và không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ 80% theo đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường;

- Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán làm nhà nương và các công trình xây dựng phụ khác gắn liền với đất nông nghiệp xa nơi ở, khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng 80% giá trị tài sản hiện có.

Điều 5. Bồi thường cây trồng, vật nuôi (cụ thể Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 14 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

1. Quy định khoản 1

- Cây hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước: Mức bồi thường thiệt hại đối với cây trồng hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước được tính bằng giá trị sản lượng thu hoạch trong 1 năm theo năng suất bình quân của 3 năm liền kề trước đó (năng suất bình quân theo xác nhận của phòng Nông nghiệp các huyện, hoặc phòng Kinh tế đối với thị xã) và mức giá trung bình của nông sản, thủy sản cùng loại theo mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp không có mức giá tại quyết định của UBND tỉnh thì lấy theo báo cáo giá thị trường định kỳ hàng tháng của Sở Tài chính hoặc phòng Tài chính tại thời điểm bồi thường.

- Cây lâu năm được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất) theo số lượng thực tế và đơn giá bồi thường do UBND tỉnh quy định. Trường hợp vườn cây đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản (chưa cho thu hoạch) thì giá trị hiện có của vườn cây là toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu gồm: giống, phân bón, chi phí trồng, chăm sóc đến thời điểm thu hồi tính bằng tiền theo đơn giá hiện hành của UBND tỉnh.

- Riêng đối với cây chè được tính theo sản lượng thu hoạch hai năm liền hoặc thực tế đầu tư trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

- Đối với vật nuôi (nuôi trồng thủy sản): Bồi thường theo diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nhân (x) đơn giá do UBND tỉnh quy định.

2. Quy định Điểm b Khoản 2

Đối với cây đang cho thu hoạch mức bồi thường tính bằng giá trị hiện có của cây (Không bao gồm giá trị về đất) tại thời điểm phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt theo đơn giá bồi thường cây trồng trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

Điều 6. Xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư (cụ thể Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

1. Quy định Khoản 2

- Hộ sử dụng tiền bồi thường và tiền hỗ trợ nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ theo quy định tại Điều 11, Điều 23 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg và cụ thể Khoản 1 Điều 4 tại Quyết định này để xây dựng nhà ở tối thiểu bằng giá trị nhà được hỗ trợ quy định tại Điều 23 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg.

- Trong trường hợp các hộ tái định cư có nguyện vọng dựng lại nhà gỗ tại nơi ở mới, với điều kiện nhà ở sau khi dựng phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định và các điều kiện:

+ Đảm bảo thời gian sử dụng từ 10 năm trở lên (do Ban Quản lý dự án di dân TĐC các huyện, thị xã, Tổ chức làm công tác BT, HT&TĐC huyện, thị xã và chính quyền địa phương xác định) .

+ Mái lợp bằng các loại vật liệu không cháy.

+ Phù hợp với hình dáng kiến trúc truyền thống của các dân tộc, phù hợp với nếp sống mới, đảm bảo an toàn và ổn định cuộc sống.

2. Quy định Khoản 3

Hộ tự quyết định hình thức xây dựng nhà ở theo nhu cầu. Trường hợp các hộ không tự xây dựng được nhà, thì chủ đầu tư phối hợp với cấp uỷ, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và nhân dân sở tại giúp công sức cùng hộ tái định cư xây dựng nhà ở tại nơi tái định cư.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư (cụ thể Khoản 3 Điều 23 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

Hộ tái định tập trung, xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư ngoài số tiền nhận bồi thường về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ bằng tiền để xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi mới, hộ còn được hỗ trợ tiền để làm nhà như sau:

- Hộ có 1 người được hỗ trợ 15m² sàn; giá tính hỗ trợ cho 01m² sàn là 1.600.000 đồng.

- Hộ có nhiều người thì từ người thứ hai trở lên, mỗi người tăng thêm được hỗ trợ 5m² sàn.

Nếu có trượt giá, UBND tỉnh sẽ có quyết định về hệ số trượt giá cho từng thời điểm.

Điều 8. Hỗ trợ di chuyển (cụ thể Điểm b, Điểm c Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 24 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

1. Quy định Điểm b Khoản 1

Hộ tái định cư được hỗ trợ chi phí di chuyển người, tài sản, các cấu kiện, hạng mục có thể tháo dỡ lắp đặt lại, vật liệu còn sử dụng được của nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở được quy định cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ, nếu khoảng cách di chuyển dưới 10km;

- Hỗ trợ 4.500.000 đồng/hộ nếu khoảng cách di chuyển từ 10 đến dưới 30km;

- Hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ nếu khoảng cách di chuyển từ 30 đến dưới 50 km;

- Hỗ trợ 7.500.000 đồng/hộ nếu khoảng cách di chuyển từ 50 km trở lên trong phạm vi tỉnh.

- Hỗ trợ 9.500.000 đồng/hộ nếu di chuyển ra phạm vi ngoài tỉnh.

Mức hỗ trợ quy định nêu trên đối với trường hợp hộ có từ 1 đến 4 khẩu, từ khẩu thứ 5 trở lên thì cứ mỗi khẩu tăng thêm được hỗ trợ thêm 500.000đồng.

- Đối với những hộ gia đình xe ô tô không vào được thì mức hỗ trợ từ nhà đến nơi đỗ xe cụ thể như sau:

+ Cụ ly vận chuyển dưới 500m được hỗ trợ 800.000 đồng

+ Cụ ly vận chuyển từ 500m đến 1.000m được hỗ trợ 1.300.000 đồng

+ Cụ ly vận chuyển từ 1.000m trở lên, cứ thêm 100m được tính thêm 200.000đồng/hộ nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng

- Hỗ trợ chi phí bốc xếp 300.000 đồng/hộ (Hộ độc thân hỗ trợ 150.000 đồng/hộ)

- Hỗ trợ chi phí di chuyển dân từ nơi ở cũ đến điểm tái định cư:

+ Nhân khẩu của các hộ tái định cư khi di chuyển đến nơi ở mới được thanh toán tiền vé xe theo giá vé vận tải hành khách tại địa phương.

+ Trường hợp do yêu cầu đảm bảo tiến độ di chuyển dân, mà số lượng người không đủ cho 01 chuyến xe vận chuyển thì được thanh toán bằng giá trị của 01 chuyến xe vận chuyển nhưng số người trên chuyến xe phải đảm bảo tối thiểu 50% số ghế quy định của xe.

+ Đối với các tuyến đường không có xe vận tải hành khách công cộng, đường đặc biệt xấu: Ban QLDA bồi thường, di dân tái định cư các huyện, thị xã lập dự toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND các huyện, thị xã phê duyệt.

Trường hợp vận chuyển bằng đường thủy, vận chuyển bằng phương tiện thô sơ đến địa điểm tái định cư thì tùy điều kiện cụ thể Ban quản lý dự án bồi thường, di dân tái định cư căn cứ vào các chế độ chính sách hiện hành lập dự toán trình UBND huyện, thị xã phê duyệt trong phương án bồi thường.

- Đối với các hộ sở tại phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ di chuyển như các hộ tái định cư tập trung.

2. Quy định Điểm c Khoản 1

Hỗ trợ tái định cư gặp rủi ro khi di chuyển:

- Nếu bị thương nặng phải điều trị ở các cơ sở y tế tuyến huyện, tỉnh và có xác nhận của các cơ sở y tế được hỗ trợ một lần 1.000.000 đồng/người.

- Nếu không may bị chết (có xác nhận của UBND xã, phường, cơ sở y tế tuyến huyện, tỉnh) được hỗ trợ một lần 2.000.000 đồng/người.

3. Quy định Khoản 2

Đối với hộ tái định cư tự nguyện, mức hỗ trợ di chuyển bao gồm: kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến và kinh phí di chuyển.

- Kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến bao gồm tiền tàu xe đi lại (một lượt đi, một lượt về) tiền ăn, ngủ nhà trọ như sau:

+ Di chuyển nội tỉnh: 500.000 đồng/hộ.

+ Di chuyển ngoại tỉnh 1.000.000 đồng/hộ.

Nguồn kinh phí trên được thanh toán một lần và do nơi đi chi trả.

- Mức hỗ trợ như sau:

+ Nếu di chuyển trong tỉnh: Thực hiện như Khoản 1 Điều này

+ Di chuyển ngoại tỉnh xác định theo cự ly di chuyển và đơn giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô do UBND tỉnh quy định (xe ô tô trọng tải 5 tấn, hộ độ thân 01 chuyển, hộ từ 2 người trở lên 02 chuyển) nhưng mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng (các tỉnh miền Bắc) tối đa 5.000.000 đồng (các tỉnh miền Trung) tối đa 6.000.000 đồng (các tỉnh miền Nam).

4. Quy định Khoản 4

4.1 Hỗ trợ di chuyển mồ mả: Các hộ có mồ mả nằm trong vùng phải di chuyển, khi di chuyển được hỗ trợ các khoản chi phí: đào, bốc, di chuyển đến nơi mới, chi phí về đất đai, xây dựng lại tại thời điểm di chuyển. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

STT	Loại mồ mả	Mức bồi thường (đồng/mộ)
1	Mộ chưa cải táng	
a	Mộ đất, xếp đá trên ba (03) năm	3.000.000
b	Mộ đắp đất trên ba (03) năm	2.500.000
c	Mộ đất, xếp đá từ một (01) đến dưới ba (03) năm	3.500.000
d	Mộ đắp đất từ một (01) đến dưới ba (03) năm	3.000.000
đ	Mộ đất, xếp đá dưới một (01) năm	4.500.000
e	Mộ đất dưới một (01) năm	4.000.000
2	Mộ đã cải táng	
a	Mộ đất, xếp đá	2.000.000
b	Mộ đắp đất	1.500.000

Trong trường hợp di chuyển mồ mả đến nơi quy định mà phải nộp tiền sử dụng đất thì được tính bổ sung tiền sử dụng đất vào mức bồi thường.

4.2 Đối với mộ xây có kết cấu xây dựng phức tạp: Ngoài việc bồi thường theo quy định tại Điểm 4.1 khoản này, còn được tính bồi thường cho phần xây dựng theo khối lượng thực tế, việc xác định khối lượng thực tế do Tổ chức làm

nhệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định và lập phương án bồi thường theo đơn giá quy định của UBND tỉnh về bồi thường vật kiến trúc.

4.3. Đối với mộ chưa có người nhận (mộ vô chủ), Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập phương án bồi thường theo đơn giá quy định tại Điểm 4.1 Khoản này; chủ dự án chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức di chuyển đến nơi quy định.

4.4. Đối với mộ khi di chuyển phát hiện có nhiều tiêu (thi hài) trong một mộ, thì mỗi tiêu được coi là một mộ và được tính bồi thường theo quy định tại Điểm 4.1 Khoản này.

4.5. Đối với nghĩa trang Liệt sĩ hoặc mộ của người nước ngoài thì chủ đầu tư và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, lập hồ sơ dự toán và gửi tới Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm định dự toán kinh phí, và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với phương án bồi thường. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức di chuyển đến nơi quy định.

4.6 Hỗ trợ tâm linh:

Ngoài mức hỗ trợ tại Điểm 4.1 Khoản này, còn được hỗ trợ các chi phí theo phong tục tập quán (tâm linh) của từng dân tộc 500.000 đồng/mộ; đối với những hộ có từ 2 mộ trở lên phải di chuyển được hỗ trợ không quá 1.000.000 đồng.

Đối với mồ mả của đồng bào dân tộc không có tập quán di chuyển (Mồ mả trong mặt bằng công trình cần di chuyển; mồ mả trong lòng hồ không cần di chuyển; hài cốt để trong nhà) thì được hỗ trợ lễ tâm linh theo phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc đó. Mức hỗ trợ là 800.000 đồng/mộ hoặc hài cốt.

Điều 9. Hỗ trợ đời sống (cụ thể Khoản 1, Khoản 6 Điều 25 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

1. Quy định Khoản 1: Hỗ trợ lương thực

- Mỗi nhân khẩu hợp pháp thuộc hộ tái định cư bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất sản xuất được hỗ trợ lương thực bằng tiền có giá trị tương đương 20 kg gạo/người/tháng trong 36 tháng.

- Hộ không phải di chuyển nhưng bị thu đất sản xuất, hộ sở tại bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ được hỗ trợ lương thực bằng tiền cụ thể như sau:

+ Hộ có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 30% đến 50% tổng diện tích đất nông nghiệp hiện có thì được hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong 36 tháng.

+ Hộ có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ trên 50% đến 70% tổng diện tích đất nông nghiệp hiện có thì được hỗ trợ 20kg gạo/người/tháng trong 36 tháng.

+ Hộ có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp hiện có thì được hỗ trợ 30kg gạo/người/tháng trong 36 tháng.

Gạo tính hỗ trợ là gạo tẻ thường theo báo cáo giá thị trường định kỳ hàng tháng của Sở Tài chính tại thời điểm hỗ trợ.

2. Quy định Khoản 6

Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động hưởng lương hưu hàng tháng hiện đang sinh sống cùng gia đình tại nơi phải di chuyển được hỗ trợ một lần 500.000 đồng/người sau khi đã đến nơi ở mới. Việc chi trả cho đối tượng này do nơi tiếp nhận chi trả. Trường hợp CBCVC tiếp tục ở lại công tác trên địa bàn đó thì nơi sở tại phải chi trả.

Điều 10. Hỗ trợ sản xuất (cụ thể Điểm đ Khoản 1 Điều 26 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

Trường hợp phải khai hoang để đảm bảo đủ đất sản xuất (theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt) cho hộ tái định cư thì được hỗ trợ như sau:

- Khai hoang làm ruộng nước 7.500.000đồng/ha.
- Khai hoang để làm nương định canh 5.000.000đồng/ha.

Điều 11. Hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, mua sắm công cụ lao động (cụ thể Điều 27 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

1. Quy định Khoản 1

Lao động nông nghiệp sau khi tái định cư chuyển sang nghề phi nông nghiệp được hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề với điều kiện: Là nhân khẩu tái định cư hợp pháp, có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Quản lý dự án xác nhận thì được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

2. Quy định Khoản 2

Lao động nông nghiệp sau khi tái định cư chuyển sang nghề phi nông nghiệp được hỗ trợ chi phí mua sắm công cụ lao động làm nghề mới mức hỗ trợ bằng tiền là 5.000.000 đồng/lao động (hỗ trợ 01 lần và không được giao đất sản xuất nông nghiệp tại điểm tái định cư).

Điều 12. Hỗ trợ gia đình chính sách (cụ thể Điều 28 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg và Khoản 4 Điều 12 Quyết định 34/2010/QĐ-TTg)

Hộ tái định cư có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước theo quy định tại Nghị định 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ phải di chuyển thì được hỗ trợ một lần là 2.000.000đồng/người hưởng trợ cấp và do nơi đi chi trả.

Điều 13. Hỗ trợ Hộ tái định cư tự nguyện (cụ thể Điều 29 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

- Được hỗ trợ như các hộ tái định cư tập trung; các khoản hỗ trợ này được tính một lần và do nơi đi chi trả trước khi di chuyển.

- Hỗ trợ khai hoang: Không tính cho các đối tượng này vì khi đăng ký các hộ phải đảm bảo điều kiện về sản xuất tại nơi ở mới do các hộ tự mua, bán, chuyển nhượng.

Điều 14. Hỗ trợ khác (cụ thể Điều 31 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg)

- Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới: mức hỗ trợ là 300.000 đồng/hộ.

- Các hộ gia đình có thuyền đánh bắt cá, chõ đồ trên sông, hồ tại nơi ở cũ, khi tự di chuyển đến nơi ở mới không có sông hồ, không đánh bắt cá, không sử dụng thuyền được hỗ trợ 30% giá trị mới của thuyền.

- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ: Các hộ di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của chủ đầu tư thì được thưởng bằng tiền 5.000.000 đồng/hộ (thưởng 01 lần). Chủ đầu tư thành lập hội đồng khen thưởng gồm: Đại diện chủ đầu tư, Ban TĐC xã, trưởng bản. Căn cứ vào biên bản xét khen thưởng của hội đồng khen thưởng lập, chủ đầu tư lập danh sách trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt, chủ đầu tư chi trả cho các hộ.

- Hỗ trợ 6 tháng lương hoặc phụ cấp lương đối với cán bộ giữ chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể đang hưởng lương hoặc phụ cấp lương do Nhà nước chi trả ở nơi đi, khi chuyển đến nơi ở mới không còn giữ chức vụ đó nữa. Mức hỗ trợ tương đương với mức lương hoặc phụ cấp mà cán bộ đó đang hưởng hàng tháng ở nơi đi.

Mức hỗ trợ trên được thanh toán một lần và do nơi đi chi trả.

- Hỗ trợ kinh phí điều chỉnh địa giới hành chính các xã phải điều chỉnh địa giới hành chính do phải thực hiện tái định cư Dự án thủy điện được thực hiện trình tự theo quy định của pháp luật và kinh phí để thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính mới được xác định trên cơ sở dự án được duyệt từ nguồn kinh phí tái định cư thủy điện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chi phí tổ chức thực hiện cho công tác BT,HT&TĐC.

1. Đối với những dự án quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vào trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi Sở Tài chính (đối với dự án có 02 đơn vị hành chính cấp huyện) hoặc gửi phòng Tài chính (đối với dự án của 01 đơn vị hành chính) thẩm định trình UBND cùng cấp quyết định.

2. Mức chi phí cho việc lập và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- 90% cho hoạt động của tổ chức trực tiếp làm công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định.

- 10% cho hoạt động của Hội đồng Thẩm định cùng cấp.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm nộp phần kinh phí thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định sau năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

Trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Thông tư 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử